

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 12- 2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nghệ.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và ông Đậu Cao Nhu

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hà Đức Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 369/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 11 năm 2023, về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1977. Có đơn xin vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đăng D, sinh năm 1974; Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: Thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2023, bản tự khai ngày 27/11/2023, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đăng D được hai bên gia đình tổ chức cưới ngày 04/11/1994 theo phong tục tập quán tại địa phương mà không tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường, đến năm 2010 chị và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân

do vợ chồng không quan tâm đến nhau, không cùng quan điểm sống, anh D có quan hệ tình cảm với người khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Chị và anh D đã ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay tình cảm của chị với anh D không còn, chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đăng D. Về con chung, quá trình chung sống chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Duy D1, sinh ngày 11/10/1995; Nguyễn Đăng T, sinh ngày 25/12/1999 và Nguyễn Đăng M, sinh ngày 10/4/2001. Hiện nay cả ba con đã trưởng thành nên các con ở với ai tùy theo nguyện vọng của con. Về tài sản: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Đăng D trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị G chung sống tự nguyện như vợ chồng từ năm 1994 mà không tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Hiện nay anh và chị G đã sống ly thân. Nay chị G đề nghị ly hôn, anh không đồng ý vì tình cảm của anh và chị G vẫn còn. Về con chung, anh thống nhất với lời khai của chị G về họ tên, ngày tháng năm sinh của ba con. Con chung đều đã trưởng thành nên các con có nguyện vọng ở với ai do con quyết định. Về tài sản, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại UBND xã Q:

Chị G và anh D tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An mà không tiến hành đăng ký kết hôn tại UBND xã. Quá trình chung sống giữa chị G và anh D có mâu thuẫn với nhau như thế nào địa phương không nắm được vì không ai yêu cầu hòa giải tại cơ sở. Chị G và anh D có 03 con chung là Nguyễn Duy D1, sinh ngày 11/10/1995; Nguyễn Đăng T, sinh ngày 25/12/1999 và Nguyễn Đăng M, sinh ngày 10/4/2001. Chị G yêu cầu ly hôn với anh D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

-Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm quyền thụ lý vụ án; quan hệ tranh chấp; hồ sơ vụ án được lập đầy đủ, đánh số bút lục; xác định tư cách nguyên đơn, bị đơn; xác minh, thu thập chứng cứ; Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ và phiên hoà giải; thời hạn giải quyết vụ án; tổng đạt các văn bản tố tụng đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà đã tuân thủ

các quy định của BLTTDS. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 9; 14 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí xử:

Về tình cảm: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Đăng D.

Án phí: Buộc chị Nguyễn Thị G phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị G có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Đăng D đây là vụ án: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng năm 2015. Anh Nguyễn Đăng D có nơi thường trú tại thôn E, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại UBND xã Q xác định thời điểm chị G và anh D chung sống với nhau như vợ chồng là năm 1994, không có đăng ký kết hôn. Việc hai người chung sống với nhau là tự nguyện. Từ năm 2010 xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính cách hai bên không hợp. Hiện chị G và anh D đã ly thân. Tình cảm ngày càng phai nhạt, việc đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình là không thể. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Do hai bên không có đăng ký kết hôn, vì vậy cần xử không công nhận chị G và anh D là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Đăng D có 03 con chung là Nguyễn Duy D1, sinh ngày 11/10/1995; Nguyễn Đăng T, sinh ngày 25/12/1999 và Nguyễn Đăng M, sinh ngày 10/4/2001. Hiện cả ba con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên có nguyện vọng ở với ai do con quyết định.

[2.3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Đăng D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 1 Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị G

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Đăng D là vợ chồng.

2. Về con chung:

Con chung Nguyễn Duy D1, sinh ngày 11/10/1995; Nguyễn Đăng T, sinh ngày 25/12/1999 và Nguyễn Đăng M, sinh ngày 10/4/2001 đã trưởng thành có nguyện vọng ở với ai do con quyết định.

3. Về tài sản: Anh chị G và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai 0005313 ngày 20/11/2023 tại Chi cục thi hành án Dân sự Quỳnh Lưu .

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản sao bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- VKSND H. Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Lưu;
- UBND xã Q;
- Đương sự;
- Lưu HS, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nghệ

